

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HOÁ TÂM LINH CỦA NG-ỜI KHƠ ME HIỆN NAY D-ỚI GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC

HOÀNG M-ANH -OÀN

1. Những đặc điểm tâm lý của ng-ời Khơ me

Ng-ời Khơ me Nam Bộ thuộc nhóm ngôn ngữ Môn Khơ me (ngữ hệ Nam -) ⁽¹⁾. Họ là c- dân trong cộng đồng v- ong quốc Chân Lạp từ TK VIII đến TK XIII. Cũng có ý kiến cho rằng ng-ời Khơ me là c- dân văn hoá -c eo, họ bị ảnh h- ởng mạnh bởi văn hoá -n Độ. Khi đế quốc Xiêm La xâm chiếm Chân Lạp (từ TK XIII trở đi), Phật giáo Tiểu Thừa từ Xiêm La đã tràn vào và ảnh h- ởng sâu rộng trong cộng đồng ng-ời Khơ me ⁽²⁾.

Hiện nay, ng-ời Khơ me có khoảng hơn 800.000 ng-ời, sống chủ yếu ở 3 khu vực:

- Khu vực Sóc Trăng (cũ) (Vĩnh Châu, Vĩnh Lợi), Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau.
- Khu vực ven biển Vĩnh Long, Trà Vinh (cũ)
- Khu vực An Giang, Tiền Giang (cũ)

Có một số nơi, ng-ời Khơ me c- trú rất đông (xem Bảng 1).

Bảng 1: Số l-ợng ng-ời Khơ me sinh sống ở một số tỉnh

TT	Tỉnh	Dân số (ng-ời)	Số l-ợng ng-ời Khơ me
1	Trà Vinh	966.949	290.932
2	Sóc Trăng	1.172.404	338.269
3	Kiên Giang	1.447.639	182.058

Nguồn: Tổng cục Thống kê. Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999, Nxb, Thống kê, H.2001, tr.77, 78, 80, Nxb Hà Nội.

¹ UB KHXH Việt Nam – Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam, các tỉnh phía Nam*. Nxb. KHXH, H, 1984, tr: 7

² Viện văn hoá. *Văn hoá Khơ me vùng ĐBSCL*. Nxb. VHDT, H, 1993

** Đặc điểm tâm lý của ng-ời Khơ me:*

- Thích sống quần tụ với nhau thành các phum, sóc (*srok*); cũng có một số rất ít sống ở quanh các thị trấn, thị xã.

- Th- ờng làm nhà trên các s- ờn đôi (độ cao cách mặt ruộng khoảng 5m).

- Sống đoàn kết, giúp đỡ nhau để sản xuất, trông trọt và chăn nuôi (ng-ời Khơ me chủ yếu làm nghề nông và trồng hoa màu: ngô, sắn; nuôi trâu, bò, gia cầm).

- Tôn trọng già làng (tr- ởng phum, sóc), ng-ời thông thạo chữ viết, phong tục, tập quán Khơ me.

- Cả tin, ghét giả dối.

- Hiếu nghĩa với tổ tiên (cúng tổ tiên đ- ọc tổ chức long trọng vào ngày lễ Xen Đôn Ta; cúng chung, cả phum sóc).

- Rất nhiệt tình, tự giác trong công việc chung, nhất là các dịp lễ, cúng Phật, dâng cơm s- sãi, lễ cầu ph- ớc, lễ Dâng Bông (hay lễ dâng áo cà sa lên các s- sãi).

- Hoàn toàn tin và theo Phật giáo Tiểu Thừa, tự nguyện đến với Phật.

2. Một số vấn đề về văn hoá tâm linh của ng-ời Khơ me

2.1 Quan niệm về âm, d- ong

Thông th- ờng những ng-ời làm nghề nông, trông trọt và chăn nuôi đều thờ, cúng trời đất để âm, d- ong hoà hợp, m- a thuận, gió hoà tạo điều kiện thuận lợi cho họ sản xuất, chăn nuôi. Nh- ng ở ng-ời Khơ me, cũng là c- dân nông nghiệp mà ý niệm về Trời (d- ong sinh) không đ- ọc biểu lộ, họ chỉ coi trọng Đất (âm sinh).

Đối với ng-ời Khơ me, Đất quan trọng hơn Trời; đất, n- ớc hàng ngày gắn liền với họ cả

trong sinh hoạt và sản xuất. Lễ đón mừng năm mới *Chol chnăm thmây* có tục quanh sân chùa, nhân dân thi nhau đắp núi cát (cát là đất-yếu tố âm); hay lễ hội đ-ợc mùa (*Oóc om bok*) có tục đua ghe ngo trên sông, một sinh hoạt văn hoá thể thao ở nhiều vùng đồng bào Khơ me c- trú. Đồng bào Khơ me quan niệm rằng, lễ hội này thể hiện lòng cảm ơn n-ớc (yếu tố âm) đã cho họ đ-ợc mùa.

Một biểu hiện khác là các s- sãi đi khát thực bằng bình bát màu đen, màu của n-ớc (thuộc yếu tố âm).

Ng-ời Khơ me quan niệm các con số cũng nặng triết lý âm sinh. Họ quan niệm các số chẵn là số âm, các số lẻ là số của ma, là số lửa dễ xảy ra xung đột³. Lễ đón dâu ở ng-ời Khơ me không đi vào ngày lẻ (ngày xúi quẩy – vợ chồng không hoà thuận). Lễ vật nhà trai dẫn sang nhà gái cũng là chẵn, th-ờng là 4, nh- 4 nải chuối, 4 chai r-ợu, 4 gói trà, 4 gói trâu. Số 4 là biểu hiện 4 ph-ơng trời quanh núi vũ trụ Mêru trong Bà la môn giáo, đ-ợc □n Độ giáo và Phật giáo tiếp thu truyền đến cho ng-ời □c eo tr-ớc đây, còn ảnh h-ởng lại đến ng-ời Khơ me ngày nay⁴.

□ ng-ời Khơ me, Thần Đất cũng đ-ợc biểu hiện ở dạng nữ: tóc xoã dài, xiêm áo đẹp. □ trong các chùa, t-ợng thần đất th-ờng đứng sau bệ t-ợng Thích Ca, với nghĩa, khi Phật tu thành đạo, ma v-ơng đến tranh ngôi thứ, bất Phật phải chứng minh tu thành đạo thực sự là công tu luyện của Phật. Phật đã úp bàn tay trái (âm) trên đầu gối, các ngón tay xoè ra chỉ xuống đất, thần đất

hiện lên chứng giám, tóc xoã thành thác n-ớc (âm) cuốn trôi ma v-ơng, bảo vệ Phật⁵.

2.2. Quan niệm về tang lễ, cúng tổ tiên

□ ng-ời Khơ me, ng-ời chết đ-ợc hoá táng, nh- ng cũng có tr-ờng hợp thổ táng - đó là những tr-ờng hợp chết do tai nạn, bất đắc kỳ tử, nhà nghèo không lo đ-ợc hoá táng.

Tr-ớc khi đ- a đi hoá táng, quan tài ng-ời chết đ-ợc quàn ở trong nhà, trên nắp quan tài thắp 3 cây đèn cày (nến). Quan niệm của ng-ời Khơ me: Những ngọn nến đó là ngọn lửa chứng giám cho ng-ời quá cố đã mãn đời. Cây thứ nhất t-ợng tr- ng cho Đức Phật chứng giám (*Preh puth*), cây thứ hai t-ợng tr- ng cho đạo đức trong sạch (*Preh tho*), cây thứ ba t-ợng tr- ng cho chân tu theo Phật (*Preh soong*).

Khi quan tài còn ở trong nhà, gia đình ng-ời chết chôn một cột cao, trên treo lá cờ trắng vẽ hình cá sấu, ý nghĩa là để xua đuổi *chàng* (yêu quái), không cho đến quấy nhiễu linh hồn ng-ời chết.

Theo quan niệm của ng-ời Khơ me, tang lễ gắn liền với sinh tử. Ng-ời Khơ me có câu: "*Ruos puhơ robos slăp pnhơ ch-ơng*" nghĩa là: Sống gửi của, chết gửi x-ơng. Sống không tiếc công tiếc của dâng cúng lên chùa, mong chết gửi x-ơng cốt trong tháp nhà chùa; hoặc "*Kropay ngoap chaol sbek monus bonsal tuk kê chhnó muos Loo*", nghĩa là: Trâu chết để da, ng-ời chết để tiếng khen.

Ng-ời Khơ me quan niệm: chết là hệ quả của nội dung sống chết mong có tiếng khen, tránh tiếng chê. Sống đắp núi ph-ớc cống hiến nhiều cho s- sãi, cho chùa để khi chết đ-ợc "mát mẽ d-ới bóng bồ đề".

³ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sđd, tr 254 - 255

⁴ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sđd, tr 254 - 255

⁵ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sđd, tr 254 - 255

Nh- vậy, đối với ng- ời Khơ me, sống hoà vào Phật, chết cũng hoà vào Phật. Linh hồn ng- ời chết theo Phật, ở chùa chứ không về nhà che chở, phù hộ cho con cháu. Chính vì vậy, ng- ời Khơ me không cúng tổ tiên tại nhà, không có bàn thờ tổ tiên trong nhà. Lễ cúng tổ tiên, ông bà đ- ọc quy tụ chung cho tất cả phum, sóc, đó là ngày lễ Xen Đôn Ta (chim tổ tiên).

2.3. Quan niệm về ngôi chùa, đạo Phật và các thần linh

* Quan niệm về ngôi chùa:

Đối với ng- ời Khơ me, những ngôi chùa là đỉnh cao của thăng hoa tôn giáo. Chùa là nơi Phật ngự, là nơi thiêng liêng nhất. Hiện nay, chùa là nơi tập trung nhân dân đông nhất, nhiều nhất, ở đó thể hiện khả năng kinh tế, trình độ nghệ thuật, đặc điểm văn hoá của các cộng đồng phum, sóc. Chính vì vậy, các phum, sóc thi nhau làm đẹp cho chùa. Họ quan niệm rằng: làm đẹp cho chùa là h- ớng về Phật, sống với Phật, tất cả vì Phật, là “làm cho lòng mình sung s- ớng nhất”.

Hiện nay, theo số liệu thống kê của Sở văn hoá thông tin các tỉnh có ng- ời Khơ me c- trú thì ở Nam Bộ có số l- ợng chùa khá lớn.

Bảng 2: Số l- ợng chùa ở một số tỉnh Nam Bộ

Địa danh	Số l- ợng chùa (ngôi)	Xếp thứ tự
Các tỉnh ở Nam Bộ	450	
- Trà Vinh	142	1
- Sóc Trăng	89	2
- Kiên Giang	70	3
- An Giang	68	4
- Cần Thơ	26	5

Chùa Khơ me hầu hết đ- ọc xây dựng theo chiều dọc kiến trúc, hai bên s- ờn mở cửa sổ, cửa ra vào chính bao giờ cũng ở đầu nhà phía Đông.

Ng- ời Khơ me quan niệm: Phật ở phía Tây, nhìn về h- ớng Đông ban ph- ớc⁽⁶⁾.

Cổng chùa đ- ọc đổ mái bằng, trên mái bằng xây 3 cây tháp, cây tháp ở giữa có 5 tầng, hai cây tháp ở hai bên, mỗi cây 3 tầng. Ng- ời Khơ me quan niệm : tháp 5 tầng nghĩa là 5 kiếp đời Thích Ca và tháp 3 tầng là Phật, Pháp, Tăng.

* Quan niệm về Đạo Phật

Về đạo Phật, ng- ời Khơ me quan niệm: Đạo Phật là học thuyết trí tuệ, nhờ trí tuệ mà diệt trừ vô minh, ngu tối, mầm mống của tội ác. Quan niệm này thể hiện ở t- ợng Thích Ca ngồi toạ thiền, xếp bằng trên đài sen, đôi mắt khép hờ nhìn xuống soi rọi nội tâm. Hai bàn tay để ngửa, đặt chồng lên nhau, biểu hiện sức mạnh nội tâm.

Một quan niệm khác, thuỷ tổ của họ là loài rắn. Rắn đ- ọc ng- ời Khơ me tôn là vua. Vua rắn Naga giữ một chiếc răng của Phật, nên trên điện thờ Phật có t- ợng Thích Ca ngồi trên bệ tam cấp (là 3 vùng thân rắn Naga cuộn tròn). Rắn thể hiện 5, 7 hoặc 9 đầu xoà thành tán che trên đầu Phật.

* Quan niệm về thần linh

Quan niệm về thần linh của ng- ời Khơ me hiện nay vẫn còn mang tính chất “vạn vật hữu linh”, “bách vật giáo” nghĩa là mọi sự đều có thần linh nh- : thần phum, sóc (*Neah Ta Meha Sros*), thần chùa (*Neah Ta Watt*), thần ao, hồ, sông (*Neah Ta Ta chay*), thần cây chôm chôm (*Neah Ta Sâm rông*), thần cây đa (*Neah Ta Đom chreay*) v.v...gọi chung là *Neah Ta* (ông tà).

Biểu t- ợng thờ các thần th- ờng là một hòn đá hoặc một vài hòn đá hình bầu dục. Ng- ời Khơ me quan niệm đá là công cụ kỳ diệu, rất linh thiêng, đá là cột nối đất với trời⁽⁷⁾.

⁶ Nguyễn Đăng Duy. *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Sđd, tr 234

⁷ Ng- ời Khơ me có tục yểm bùa đá trong lễ khánh thành chùa

Bên cạnh thờ *Neah Ta*, ng-ời Khơ me còn thờ *Arak* (thần bảo vệ), *Arak Chou bao* (thần bảo vệ dòng họ), *Arak Rhum* (thần bảo vệ vùng đất), *Arak Preay* (thần bảo vệ rừng), *Arak Phteah* (thần bảo vệ nhà) v.v... Biểu tượng thờ *Arak* thường bằng khánh đá treo trên vách, trên khánh đặt trái dừa khô làm bình cắm hương (nhang), đèn nến hình tháp (bông sen) và một cái đĩa bằng bẹ dừa.

Khi gia đình có ng-ời ốm, đau, tai nạn, chủ nhà cúng *Arak* (có mời thầy cúng)... Họ hy vọng *Arak* sẽ bảo vệ họ, giúp họ tai qua nạn khỏi.

Nh- vậy, thần linh ở ng-ời Khơ me không có biểu tượng chính thống, không đồng nhất, mỗi tr-ởng họ, mỗi hiện tượng đ-ợc thờ thần khác nhau. Đây là biểu hiện đặc thù về văn hoá tâm linh của ng-ời Khơ me.

2.4. Ở ng-ời Khơ me không có s- nữ, ng-ời con trai mới sinh ra đã là một tín đồ của Phật giáo Tiểu Thừa

Khảo sát thực tế ở một số tỉnh Nam Bộ có đồng bào Khơ me c- trú chúng tôi thấy: ở ng-ời Khơ me s- khá nhiều, nh-ng chỉ là nam giới, không có s- nữ. Hiện tượng đó, đ-ợc ng-ời Khơ me lý giải là: khi còn sống, khi đang thuyết pháp truyền đạo, ngài Thích Ca cho rằng phụ nữ là nguồn gốc của mọi dục vọng đau khổ, không chấp nhận cho phụ nữ tu Phật. Ngài Anan (sau này là vợ tổ thứ hai của đạo Phật) đã đề nghị với Thích Ca, phụ nữ máu cũng đỏ, n-ớc mắt cũng mặn nh- đàn ông, sao lại phân biệt, không cho đi tu Phật. Thích Ca chấp nhận để phụ nữ đi tu theo Phật. Nh-ng chỉ phát triển ở dòng Phật giáo Đại Thừa, còn ở Phật giáo Tiểu Thừa, chỉ tôn thờ một đức Phật Thích Ca, không chấp nhận phụ nữ vào chùa tu Phật. Đây cũng là một đặc thù của Phật giáo Tiểu Thừa.

Còn ng-ời con trai Khơ me mới sinh ra đã là một tín đồ của Phật giáo Tiểu Thừa, đ-ợc ng-ời Khơ me giải thích rằng: Đối với Phật giáo Tiểu

Thừa, từ x- a đến nay, dù ở tại gia thì ng-ời con trai cũng đã có một thời gian lên chùa tu hành theo Phật, tu luyện theo cách tự giác ngộ, không có giác tha, không có ng-ời khác giúp đỡ mình giác ngộ (kể cả bố mẹ). Đối với ng-ời con trai Khơ me, chỉ có Phật mới giác ngộ cho họ. Con trai Khơ me đ-ợc khuyến khích vào chùa tu hành từ lúc còn là vị thành niên (thông thường từ 12 tuổi, nh-ng cũng có tr-ởng họ từ 6 tuổi) đã vào chùa tu hành, đã quy y khoác áo s- sãi màu vàng và địa vị xã hội đã thay đổi. Mọi ng-ời (kể cả ông bà, bố mẹ) khi gặp đều phải ngả nón, bỏ khăn, xếp ô (dù) chấp tay vái lạy. Cha mẹ rất phấn khởi vì con mình đã thành tăng (một trong 3 tam bảo: Phật, Pháp, Tăng).

Thời gian ng-ời con trai Khơ me tu Phật không cố định, có khi chỉ là một đêm, nh-ng có khi cả cuộc đời. Đối với họ vào chùa tu Phật vừa là nghĩa vụ vừa là vinh dự; vào chùa tu là để trả ơn, hiếu cha mẹ.

Tóm lại, đặc điểm tâm lý và tâm linh của ng-ời Khơ me hiện nay tuy đã có thay đổi, có nhiều điểm, nhiều tập tục đã đ-ợc l-ợc bỏ, nh-ng cũng còn một số vấn đề còn l- u giữ, ảnh hưởng cho đến hiện nay. Vì vậy, nghiên cứu đặc điểm tâm lý và văn hoá tâm linh của ng-ời Khơ me, nắm đ-ợc tâm t- , nguyện vọng và thực trạng biểu hiện của họ, từ đó có những giải pháp phù hợp, nhằm tăng c-ởng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng n-ớc Việt Nam vững mạnh về mọi mặt trên con đ-ờng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất n-ớc và hội nhập Quốc tế là có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn./

Tài liệu tham khảo

1. Viện Dân tộc, *Các dân tộc ít ng-ời ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Nxb Khoa học xã hội, H, 1984.
2. Viện văn hoá, *Văn hoá Khơ me vùng Đông bằng sông C- u Long*, VHDT, 4, 1993.

3. Mạc Đ- ờng, *Quá trình phát triển dân c- dân tộc ở ĐBSCL*. Tạp chí NCLS số 32/1988.
4. Nguyễn Đ ăng Duy, *Văn hoá tâm linh Nam Bộ*, Nxb Hà Nội, 1997.
5. Sorya, *Lễ hội Khơ me Nam Bộ*, VHDT Hà Nội, 1988.